

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ SÌ LỞ LẦU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 503/QĐ-UBND

Sì Lở Lầu, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu phí chợ đối với chợ đầu tư từ nguồn ngân
sách nhà nước trên địa bàn xã Sì Lở Lầu

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SÌ LỞ LẦU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về
phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của các dịch vụ tại chợ trên
địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh
Lai Châu về việc ban hành giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được
đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định Số 283 /QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của UBND xã Sì
Lở Lầu việc giao Chợ Sì Lở Lầu, Chợ Vàng Ma Chải cho Trung tâm Dịch vụ
tổng hợp xã Sì Lở Lầu quản lý, sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 17/7/2026 của UBND xã Sì
Lở Lầu về việc Thành lập Ban Quản lý, bảo vệ và khai thác chợ Vàng Ma Chải
và chợ Sì Lở Lầu, xã Sì Lở Lầu;

Căn cứ Quyết định số 484 /QĐ-UBND ngày 17/7/2026 của Ban Quản lý
chợ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban quản lý chợ Vàng
Ma Chải và chợ Sì Lở Lầu;

Xét đề nghị của Ban Quản lý chợ xã Sì Lở Lầu.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu phí sử dụng diện tích bán hàng
(phí chợ) đối với các chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước
thuộc phạm vi quản lý của UBND xã Sì Lở Lầu.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại
các chợ do Nhà nước đầu tư trên địa bàn xã. Ban Quản lý chợ, đơn vị được giao
quản lý, khai thác chợ. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức thu, Quản lý và sử dụng phí

1. Mức thu: Được quy định cụ thể tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này và các nội dung dưới đây:

2. Quản lý và sử dụng phí

Đơn vị thu phí có trách nhiệm: Niêm yết công khai mức thu; Thu đúng đối tượng, đúng mức thu; Sử dụng chứng từ thu theo quy định; Thực hiện chế độ kế toán, quyết toán và nộp ngân sách theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành xã, Trưởng ban các ban và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã, TTHĐND;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ VN và các đoàn thể xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Trưởng ban các ban;
- Lưu: VT, DVTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Chí Thanh

BẢNG GIÁ THU PHÍ
TẠI CHỢ VÀNG MA CHẢI VÀ CHỢ SÌ LỖ LẦU
(Kèm theo Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 30/7/2026
của UBND xã Sỉ Lỗ Lầu)

I. BẢNG GIÁ THU PHÍ TẠI KI ỚT CHỢ VÀNG MA CHẢI

Chợ Vàng Ma Chải (Xã Sỉ Lỗ Lầu)			
STT	Khu vực bán hàng	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể
1	Ki ốt bán hàng	Đồng/m ² /tháng	8.000
2	Khu vực bán hàng trong nhà	Đồng/m ² /tháng	5.000
3	Khu vực bán hàng ngoài trời	Đồng/m ² /tháng	4.000

(Ghi chú: Mức chi phí trên chưa bao gồm phí vệ sinh môi trường. Mức phí vệ sinh môi trường các hộ kinh doanh, tiểu thương phải đóng tối thiểu 10.000 đồng/ngày chợ)

II. BẢNG GIÁ THU PHÍ TẠI KI ỚT CHỢ SỈ LỖ LẦU

Chợ Sỉ Lỗ Lầu (Xã Sỉ Lỗ Lầu)			
STT	Khu vực bán hàng	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể
1	Ki ốt bán hàng do nhà nước đầu tư xây dựng	Đồng/m ² /tháng	13.000
2	Ki ốt bán hàng do thương nhân đầu tư xây dựng	Đồng/m ² /tháng	10.000
3	Khu vực bán hàng trong nhà	Đồng/m ² /tháng	9.000
4	Khu vực bán hàng ngoài trời	Đồng/m ² /tháng	6.000

(Ghi chú: Mức chi phí trên chưa bao gồm phí vệ sinh môi trường. Mức phí vệ sinh môi trường các hộ kinh doanh, tiểu thương phải đóng tối thiểu 10.000 đồng/ngày chợ)

III. BẢNG GIÁ THU PHÍ NGOÀI KI ỚT TRONG PHẠM VI CHỢ VÀ PHÍ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC CHỢ

STT	Loại hình	Mức thu
1	Mặt hàng thiết yếu như: Xoong, nồi, chảo, bát đĩa và đồ nhựa, giày, dép	20.000/ngày chợ
2	Mặt hàng bán lợn, chó, mèo và gia cầm	10.000/ngày chợ
3	Mặt hàng bán thịt tươi sống	20.000/ngày chợ
4	Các mặt hàng trái cây, hoa quả	10.000/ngày chợ
5	Các mặt hàng rau, củ quả	3.000/ngày chợ

(Ghi chú: Mức chi phí trên đã bao gồm phí vệ sinh môi trường)